

Bản án số: 68 /2019/ HNGĐ – ST

Ngày: 08 - 10 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.

2/ Bà Lê Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 262/2019/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019. Về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 04/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Xim Thị N - Sinh năm 1991.

Bị đơn : Anh Bờ Đàm Kh – Sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/5/2019 và tại bản khai, nguyên đơn chị Xim Thị N trình bày: Chị với anh K cưới nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian khoảng 01 năm. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung với với nhau trong ngôi nhà của mẹ chị cho đến năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai về nhà đó sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K ghen tuông vô cớ rồi đánh đập

chị. Ngoài ra anh K là người chồng vô trách nhiệm, không lo làm ăn suốt ngày ăn nhậu, chơi bời với bạn bè dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh K bỏ về nhà anh ở cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bờ Đàm K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Xim Thị N – Sinh ngày 12/6/2010; Xim Thị Mỹ N – sinh ngày 29/11/2012. Hiện nay con đang ở với chị.

Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02 con và chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con. Tổng cộng 4.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con đến tuổi trưởng thành hoặc có khả năng tự nuôi mình.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh K để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh K cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh K vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về quan hệ pháp luật:* Chị Xim Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Bờ Đàm K và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Anh Bờ Đàm K có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Bờ Đàm K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh K .

[2]*Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Chị N và anh K cưới nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chị N. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được gần 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, nghi ngờ ghen tuông nhau, hơn nữa anh K là người chồng ít quan tâm đến gia đình, thường xuyên ăn nhậu đánh chửi vợ con. Đến năm 2017 thì anh K bỏ về nhà anh ở và vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh K. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K đến Tòa để hòa giải, nhưng anh K cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị N với anh K không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị N là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2]*Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Xim Thị Nt – Sinh ngày 12/6/2010; Xim Thị Mỹ N – sinh ngày 29/11/2012. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con và chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con. Tổng cộng 4.000.000đ/ tháng cho đến khi 02 con đến tuổi trưởng thành hoặc có khả năng tự nuôi mình. Xét yêu cầu của chị N thấy rằng từ trước đến nay các con đều ở với chị N và theo nguyện vọng của các con cũng mong muốn được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy yêu cầu được tiếp tục nuôi các con của chị N là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa chị Nà yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 02 tên Xim Thị N – Sinh ngày 12/6/2010; Xim Thị Mỹ N – sinh ngày 29/11/2012 mỗi tháng là 2.000.000đ/con, tổng cộng là 4.000.000đ/tháng. Xét thấy Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn Nhân gia đình quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*” và tại Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định “*Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng được xác định căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để đảm bảo cuộc sống của người được cấp dưỡng*”. Như vậy, mức yêu cầu cấp dưỡng của chị đưa ra là quá cao so với thực tế tại địa phương nơi chị cư trú. Căn cứ theo tình hình mức chi phí sinh hoạt tại địa phương và hiện nay chị N

cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện mức thu nhập của anh K. Do vậy, nên buộc anh K cấp dưỡng nuôi 02 con tên N và N mỗi tháng là 1.000.000đồng/con, tổng cộng 02 con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu Nt và N đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[2.3]*Về tài sản và nợ*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3]*Về án phí*: Chị Xim Thị N được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới của Thủ tướng Chính phủ.

Anh Bờ Đam K không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Bờ Đam Khảm phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Xim Thị N. Chị Xim Thị N được ly hôn anh Bờ Đam K.

2/ Về con chung: Giao 02 con tên Xim Thị N – Sinh ngày 12/6/2010; Xim Thị Mỹ N – sinh ngày 29/11/2012 cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bờ Đam K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Xim Thị N – Sinh ngày 12/6/2010; Xim Thị Mỹ N – sinh ngày 29/11/2012 mỗi tháng 1.000.000đồng/con, tổng cộng hai con là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con N và N đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh K được quyền trông nom, chăm sóc giáo dục các con chung, không ai được quyền cản trở.

“ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Xim Thị N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới của Thủ tướng Chính phủ.

Anh Bờ Đam K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần cấp dưỡng nuôi con).

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết